

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 5 - 2019

“Về việc ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Ông Ngô Mậu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 23/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 19/02/2019, bản tự khai ngày 13/3/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Hà Văn B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/10/2007. Sau kết hôn, chị và anh B vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống, chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì đến năm 2009, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát nhau, đã có lần chính quyền địa phương phải can thiệp nhưng vẫn không thay đổi, chồng chị không có trách nhiệm với gia đình nên càng ngày vợ chồng không còn tình cảm. Năm 2012 vợ chồng về quê tại huyện L, tỉnh Quảng Bình sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, anh B

đã có lần đánh đập chị. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn B có hai con chung là Hà Thúy A, sinh ngày 17/11/2007 và Hà Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/6/2012 hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh Hà Văn B cấp dưỡng nuôi con Hà Nguyễn Gia P mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2019, biên bản hòa giải ngày 25/3/2019, anh B trình bày về quan hệ hôn nhân, cuộc sống vợ chồng như chị N trình bày anh không có ý kiến gì thêm, nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là bình thường. Chị N muốn ly hôn là vì chị N có người khác, anh không nhất trí ly hôn chị N. Về con chung, con chung như chị N trình bày, nếu ly hôn anh xin được nuôi 2 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 25/3/2019, anh B trình bày quan hệ hôn nhân và cuộc sống vợ chồng sau kết hôn như trình bày tại bản tự khai ngày 15/3/2019 và bổ sung thêm do chị N có lời nói hờn lảo nên anh bức xúc và đánh chị N, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin được đoàn tụ. Về con chung, anh và chị N có 2 con chung như chị N trình bày, nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Thúy A, sinh 17/11/2007, giao con Hà Nguyễn Gia P, sinh 28/6/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng không ai cấp dưỡng cho ai, tài sản chung của vợ chồng không có. Tuy nhiên khi kết thúc phiên hòa giải anh B tự bỏ về và không ký biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa, anh Hà Văn B vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ, anh B vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/10/2007 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn như chị N, anh B trình bày, sau kết hôn vợ chồng vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống, có thời gian hạnh phúc được khoảng 02 năm thì năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường cãi vã nhau do anh B không chịu làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và đánh đập chị N thậm tệ, chị N cũng đã cố gắng chịu đựng bỏ qua cho anh B. Năm 2012, vợ chồng anh chị về quê tại huyện L, tỉnh Quảng Bình làm ăn, sinh sống nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Chị N, anh B đã có thời gian ly thân nhau, tình cảm chị N không còn quan tâm đến anh B. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vận động vợ chồng đoàn tụ nhưng anh B đã không phối hợp cùng

Tòa án đề vận động chị N trở lại đoàn tụ, ngược lại anh thiếu tôn trọng việc hòa giải của Tòa án tự ý bỏ về khi phiên hòa giải chưa kết thúc.

Như vậy HDXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn giữa chị N và anh B là hoàn toàn đã xảy ra, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị N và anh B có 02 con chung Hà Thúy A, sinh ngày 17/11/2007 và Hà Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/6/2012 hiện đang sinh sống cùng chị N. Sau ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải, anh B trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Hà Thúy A, giao con Hà Nguyễn Gia P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, nhưng tại phiên tòa anh B không đến. Xét Nguyện vọng nuôi con của chị N, anh B đều chính đáng tuy nhiên hiện các con đang còn nhỏ, từ trước đến nay đều sinh sống cùng chị N và cháu Hà Thúy A có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với chị N, chị N có nơi ở và thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống và sự phát triển cho các con, anh B làm nghề lái xe là công việc lưu động, sẽ khó khăn trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và việc Tòa triệu tập anh đến phiên tòa để giải quyết anh không đến chứng tỏ anh không quan tâm đến gia đình và nuôi con. Vì vậy cần giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hà Nguyễn Gia P mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hà Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Thúy A, sinh ngày 17/11/2007 và Hà Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/6/2012. Anh Hà Văn B phải cấp dưỡng hàng tháng nuôi con Hà Nguyễn Gia P mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; danh mục án phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, xử: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0001950 ngày

19/02/2019. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí. Anh Hà Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/5/2019) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã H;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Học